

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC TRỌNG
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 78/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 28-9-2020

V/v tranh chấp: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC TRỌNG, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Huy Khoa
2. Bà Phạm Thị Hồng Khuyên

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Hoàng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Trọng tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Văn Bàng – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 199/2020/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2020 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 32/2020/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Lê Văn B**, sinh năm 1955.

Trú tại: Tổ A, khu 1, thôn N, xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

2. Bị đơn: Bà **Trần Thị Đ**, sinh năm 1956.

Trú tại: Tổ A, khu 1, thôn N, xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 29/4/2020, bản tự khai và lời khai tại phiên tòa, nguyên đơn ông Lê Văn B trình bày: Ông và bà Trần Thị Đ kết hôn vào năm 1978 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện H, Hà Nội. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới hỏi, ít có thời gian tìm hiểu. Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc đến thời gian khoảng 10 năm nay vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, mâu thuẫn trầm trọng từ năm 2015. Nguyên

nhân mâu thuẫn do bà Đ không hiểu biết hay bêu xấu, vu khống và bới móc hoàn cảnh gia đình ông nói ở khắp mọi nơi, không có sự tôn trọng danh dự của ông; ngoài ra vợ chồng khác biệt về cách sống và tính cách không hòa hợp; không thống nhất với nhau trong làm ăn xây dựng kinh tế gia đình nên thường xuyên xảy ra cãi vã xung đột, cuộc sống chung không hòa hợp, không có tiếng nói chung trong xây dựng cuộc sống gia đình. Ông đã cố gắng hòa giải, tiếp tục lo lắng công việc trong gia đình nhưng bà Đ không chấp nhận, có thái độ phản đối và đe dọa đối với ông nên không giải quyết được mâu thuẫn và không cải thiện được tình cảm vợ chồng. Hiện nay cuộc sống chung luôn căng thẳng, ngột ngạt, vợ chồng không quan tâm nhau, việc tiếp tục chung sống chỉ khiến cho vợ chồng mệt mỏi. Ông Lê Văn B xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng không có khả năng hòa giải đoàn tụ nên ông yêu cầu tòa án giải quyết ly hôn với bà Trần Thị Đ.

Về con chung: Ông bà có 04 con chung tên Lê B1, sinh năm 1979; Lê Thị Bích H2, sinh năm 1981; Lê Thị Xuân H3, sinh năm 1986 và Lê Thị Mỹ Th, sinh năm 1988 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 23/6/2020, bị đơn bà Trần Thị Đ trình bày:
Bà thừa nhận quan hệ hôn nhân giữa ông bà tự nguyện, có đăng ký kết hôn. Quá trình vợ chồng chung sống có nhiều mâu thuẫn. Ngay từ khi cùng chung sống ông B vô trách nhiệm, không phụ giúp bà chăm lo cho gia đình; bà đã cố gắng chịu đựng để làm chỗ dựa cho con và xây dựng gia đình; ngoài ra ông B sống gia trưởng, không có sự tôn trọng vợ, vợ chồng không thống nhất trong xây dựng kinh tế gia đình, ông B cậy thế làm chồng nhiều lần chửi mắng, xúc phạm vợ. Từ năm 2019, ông B cùng con gái có nhiều hành động để chia tài sản trong gia đình dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, xung đột và ông B ép bà ly hôn. Bà xác định vợ chồng không còn tình cảm, mâu thuẫn trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống với nhau nhưng bà không đồng ý ly hôn với ông Lê Văn B vì hiện nay bà đã lớn tuổi, trong gia đình còn nhiều khúc mắc về tài sản mà ông B chưa giải quyết, ông B chỉ muốn lấy tiền tiêu xài có hành vi uy hiếp bà nên cuộc sống rất khổ. Bà yêu cầu tiến hành hòa giải kéo dài thời gian ly thân để bà giải quyết công việc về tài sản cho con, bà chỉ đồng ý ly hôn khi ông B làm xong thủ tục chuyển quyền tài sản chung của vợ chồng cho con.

Về con chung: Ông bà có 04 con chung tên Lê B1, sinh năm 1979; Lê Thị Bích H2, sinh năm 1981; Lê Thị Xuân H3, sinh năm 1986 và Lê Thị Mỹ Th, sinh năm 1988 đã trưởng thành nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không thành.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện vì hiện nay vợ chồng không thể tiếp tục chung sống và duy trì quan hệ hôn nhân.

Bị đơn trình bày ý kiến: Đề nghị Hội đồng xét xử kéo dài thời gian giải quyết ly hôn để bà giải quyết xong công việc về tài sản cho con, sau khi giải quyết xong bà chủ động ly hôn.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng:

Việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, trong quá trình giải quyết vụ án đã xác định đúng quan hệ tranh chấp, xác định đúng tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, thực hiện đúng quy định của pháp luật về việc hòa giải, thu thập chứng cứ, việc cấp tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn B ly hôn bà Trần Thị Đ; về con chung và tài sản chung, nợ chung không yêu cầu giải quyết nên không đề cập đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xác định đây là vụ án “*Ly hôn*” giữa nguyên đơn ông Lê Văn B và bị đơn bà Trần Thị Đ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Văn B và bị đơn bà Trần Thị Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, có tổ chức lễ cưới theo phong tục. Quá trình ông bà chung sống đến năm 2015 phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân mâu thuẫn theo nguyên đơn trình bày do vợ

chồng khác biệt về tính cách, cách sống; không có sự thông cảm và chia sẻ với nhau trong xây dựng kinh tế, không có tiếng nói chung trong xây dựng hạnh phúc gia đình; bị đơn không có sự tôn trọng chồng; hiện nay cuộc sống chung không có sự hòa hợp, luôn căng thẳng không thể tiếp tục chung sống. Theo bị đơn xác định mâu thuẫn do nguyên đơn sống gia trưởng, thiếu trách nhiệm, nguyên đơn cậy thế làm chồng nhiều lần chửi mắng, xúc phạm và giữa vợ chồng không thống nhất trong xây dựng kinh tế gia đình; hiện nay ông B tự ý quyết định chia tài sản trong gia đình dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, xung đột. Xét thấy hôn nhân giữa ông bà mâu thuẫn trầm trọng; giữa vợ chồng không còn sự quan tâm, trách nhiệm đối với nhau; mục đích hôn nhân không đạt được; không có khả năng hòa giải đoàn tụ nên cần chấp nhận yêu cầu của ông Lê Văn B được ly hôn bà Trần Thị Đ.

[3] Về con chung: Ông bà có 04 con chung tên Lê B1, sinh năm 1979; Lê Thị Bích H2, sinh năm 1981; Lê Thị Xuân H3, sinh năm 1986 và Lê Thị Mỹ Th, sinh năm 1988 hiện nay đã trưởng thành, ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Ông Lê Văn B, sinh năm 1955 là người cao tuổi được miễn toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51; 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, 227, 228, 264, 266, 267 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử:

1. Cho ly hôn giữa ông Lê Văn B và bà Trần Thị Đ.
2. Về án phí: Ông Lê Văn B, sinh năm 1955 là người cao tuổi được miễn toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án

mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Đức Trọng;
- Chi cục THA DS huyện Đức Trọng;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Hạnh